

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2018/DS-PT
Ngày: 25-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Văn Quán
2. Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967.

1.2 Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị U, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

3.2 Anh Nguyễn Văn Mộng C, sinh năm 1986.

3.3 Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Lưu Thị U'.

(Ông Q, bà V, bà U', chị T, anh C và anh H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Vào năm 2009, ông Q, bà V có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Núng, bà Lưu Thị U' để canh tác, sản xuất lúa. Đến ngày 26/01/2010, hai bên tổng kết nợ lại thì ông N, bà U' còn nợ số tiền 31.720.000 đồng và có làm giấy tay nhận nợ, hẹn đến ngày 26/03/2011 sẽ trả. Đến ngày 21/12/2014 ông N chết. Hiện nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm có vợ là bà U' và 03 người con là chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H (cha mẹ ông N đã chết).

Nay ông Q, bà V khởi kiện yêu cầu bà U' cùng anh C và anh H phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 31.720.000, không yêu cầu tính tiền lãi, không yêu cầu chị T cùng liên đới trả.

**Bị đơn bà Lưu Thị U' trình bày (tại bản tự khai ngày 22/3/2018):*

Bà U' thừa nhận trước đây có thiếu tiền ông Q, nhưng sau đó ông N là chồng bà U' đã bán đất và trả nợ vào năm 2012. Nên nay không còn nợ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H:* Chị T, anh C, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên hòa giải lần một, cùng thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp và công khai chứng cứ cùng vào ngày 01/02/2018 và thông báo hòa giải lần hai cùng thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp và công khai chứng cứ vào ngày 05/3/2018. Nhưng tại hai buổi tòa án tổ chức hòa giải: Vào ngày 27/02/2018 và ngày 22/3/2018 chị T, anh C, anh H cố tình vắng mặt không lý do (ngày 22/3/2018 bà U' có mặt), nên không thể hiện ý kiến.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 298; khoản 2 Điều 305; Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Lưu Thị Ú, anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V số tiền 31.720.000đ (ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Trong đó anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H chỉ phải chịu trách nhiệm hoàn trả tiền cho ông Q, bà V trong phạm vi giá trị tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn Núng để lại.

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005.

3. Về án phí:

3.1 Buộc bà Lưu Thị Ú, anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm liên đới chịu 1.586.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong đó anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H chỉ phải chịu trách nhiệm chịu tiền án phí trong phạm vi giá trị tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn Núng để lại.

3.2 Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V số tiền 793.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003815, ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 19/7/2018, bị đơn là bà Lưu Thị Ú kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà Ú không đồng ý liên đới cùng các con là anh Nguyễn Văn Mộng C và anh Nguyễn Văn H trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V 31.720.000 đồng tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Lưu Thị Ú thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Về việc bà Lưu Thị Ú kháng cáo không đồng ý liên đới cùng các con là anh Nguyễn Văn Mộng C và anh Nguyễn Văn H trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà

Nguyễn Thị V 31.720.000 đồng tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật: Xét vào năm 2009, vợ chồng ông N và bà U có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông Q và bà V. Tính đến ngày 26/01/2010, vợ chồng ông N và bà U còn nợ vợ chồng ông Q và bà V tổng cộng 31.720.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận nợ, đến năm 2014, ông N chết. Nay vợ chồng ông Q và bà V yêu cầu bà U, anh C và anh H phải liên đới trả 31.720.000 đồng.

Xét trong quá trình giải quyết án, bà U trình bày ông N đã trả cho vợ chồng ông Q và bà V 31.720.000 đồng vào năm 2012. Nguồn gốc số tiền này là do vợ chồng ông N và bà U chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, bà U không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này.

Ngoài ra, bà U còn cho rằng anh C và anh H nhận đất là qua chuyển nhượng chứ không phải nhận thừa kế và tặng cho nên việc tuyên anh C và anh H liên đới trả tiền là không xác minh, xem xét thực tế. Xét thấy theo văn bản thuận chia di sản thừa kế ngày 09/4/2015, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C, cả bà U và anh C, anh H thừa nhận đã đến cơ quan quản lý đất đai làm thủ tục nhận quyền sử dụng đất thông qua thừa kế và hợp đồng tặng cho. Do đó, việc bà U và anh C, anh H cho rằng nhận chuyển nhượng nhưng ký là hợp đồng tặng cho, thừa kế để không đóng thuế là không có chứng cứ để xem xét.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lưu Thị U được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc bà Lưu Thị U kháng cáo không đồng ý liên đới cùng các con là anh Nguyễn Văn Mộng C và anh Nguyễn Văn H trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V 31.720.000 đồng tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn Núng (chết ngày 21/12/2014) là chồng của bà U, ông N và bà U có 03 người con gồm chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Mộng C và anh Nguyễn Văn H. Do đó, bà U, chị T, anh C và anh H thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vào năm 2009, vợ chồng ông N và bà U có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông Q và bà V. Tính đến ngày 26/01/2010, vợ chồng ông N và bà U còn nợ vợ chồng ông Q và bà V tổng cộng 31.720.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận nợ, đến năm 2014, ông N chết. Nay vợ chồng ông Q và bà V yêu cầu bà U, anh C và anh H phải liên đới trả 31.720.000 đồng.

Xét trong quá trình giải quyết án, bà U trình bày ông N đã trả cho vợ chồng ông Q và bà V 31.720.000 đồng vào năm 2012. Nguồn gốc số tiền này là do vợ chồng ông N và bà U chuyển nhượng đất cho người khác. Tuy nhiên, bà U không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông N đã trả số tiền trên nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này.

[3] Về thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại: Theo quy định tại khoản 3 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu này là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Xét ông Nguyễn Văn Núng là chồng của bà Lưu Thị U chết ngày 21/12/2014. Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 20/10/2017 nên còn thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại.

[4] Về nghĩa vụ liên đới trả tiền: Xét anh Nguyễn Văn Mộng C và anh Nguyễn Văn H là con của ông N và bà U. Ông N chết vào năm 2014 nên anh C và anh H thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Văn phòng Công chứng Tân Thạnh công chứng ngày 09/4/2015 thì thể hiện các đồng thừa kế của ông N tự nguyện thỏa thuận để lại cho anh C 2.921 m² đất thuộc một phần các thửa số 59, 1149 và bà Núng 2.519m² đất thuộc một phần các thửa số 58, 59 và 1149, đều thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập giữa bà U và anh H được Văn phòng Công chứng Tân Thạnh công chứng ngày 18/5/2015 thì thể hiện bà U tặng cho anh H 2.519m² đất thuộc một phần các thửa số 58, 59 và 1149, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C và anh H trình bày giá đất hiện nay mỗi công khoảng 1,5 lượng vàng 24Kr, tức khoảng 50.000.000 đồng/công và việc tặng cho trên chỉ là hình thức để trốn thuế chứ thực chất là chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Xét theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà U có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả cho ông Q và bà V tổng cộng 31.720.000 đồng tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Nay ông N đã chết nên bà U có trách nhiệm trả cho ông Q và bà V số tiền này. Ngoài trách nhiệm trả nợ của bà U thì các đồng thừa kế khác của ông N có trách nhiệm cùng liên đới với bà U thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông N để lại để trả cho ông Q và bà V theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do anh C và anh H hưởng phần di sản do ông N để lại nên anh C và anh H có trách nhiệm liên đới cùng bà U trả cho ông Q và bà V 31.720.000 đồng.

[5] Từ nhận định ở các đoạn [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị U', giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Bà Lưu Thị U', anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V được chấp nhận là: $05\% \times 31.720.000 \text{ đồng} = 1.586.000 \text{ đồng}$.

Bà Lưu Thị U' phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị U'.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 298, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Lưu Thị U', anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V số tiền 31.720.000đ (ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Trong đó anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H chỉ phải chịu trách nhiệm hoàn trả tiền cho ông Q, bà V trong phạm vi giá trị tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn Núng để lại.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lưu Thị U', anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm liên đới chịu 1.586.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong đó anh Nguyễn Văn Mộng C, anh Nguyễn Văn H chỉ phải chịu trách nhiệm chịu tiền án phí trong phạm vi giá trị tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn Núng để lại.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V số tiền 793.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003815, ngày 01/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Lưu Thị U' phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004030 ngày 19/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn